

**UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG**
Số: 155/QĐ-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 28 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện

Chiến lược Phát triển bền vững tỉnh Bình Định đến năm 2015

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững tỉnh Bình Định đến năm 2015;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

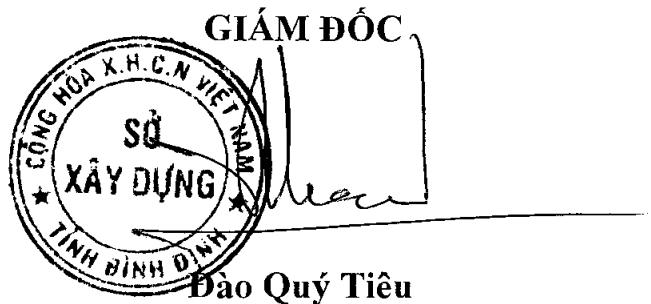
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững tỉnh Bình Định đến năm 2015 của ngành Xây dựng Bình Định (Kế hoạch hành động kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, ban thuộc Sở và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành; Quyết định này kể từ ngày ký./.

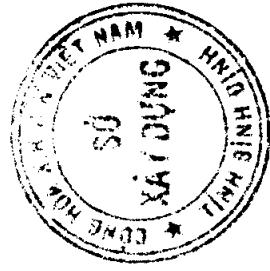
Noi nhân:

- Như Điều 2;
 - Các Sở KH-ĐT, TN-MT, Y tế, Công thương, NN& PTNT, BQLKKT tỉnh(Phối hợp);
 - UBND các huyện, thị xã An Nhơn, TP Quy Nhơn(Phối hợp);
 - Giám đốc Sở ;
 - các P. G. đốc Sở;
 - Lưu: VT, VP; 



UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC NHẬM VỤ, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG (CLPTBV) TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2015**
(Kèm Kế hoạch hành động theo Quyết định số 55/QĐ-SXD
ngày 28/11/2014 của Giám đốc Sở Xây dựng Bình Định)

TT	Nội dung công việc	Phòng, đơn vị chủ trì	Phòng, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Rà soát VBQGPL và các chính sách; đề xuất sửa đổi, bổ sung , hoàn thiện khung pháp lý cho thực hiện CLPTBV	Tổ rà soát VBQGPL (Thanh tra chủ trì)	Các phòng, Văn phòng Sở	Giai đoạn 2014 – 2015
1	Quy định về phân cấp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Định	Phòng Quản lý Quy hoạch- kiến trúc	Văn phòng và các phòng Hỗn tầng kỹ thuật	Quý I/2015
2	Chỉ thị tăng cường quản lý quy hoạch kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Phòng Quản lý Quy hoạch- kiến trúc	Văn phòng và các phòng chuyên môn	Quý III/2015
3	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh v/v ban hành Quy định lộ trình và chính sách hỗ trợ chấm dứt hoạt động sản xuất gạch, ngói đất sét nung bằng lò gạch thủ công.	Phòng Quản lý xây dựng	Văn phòng Sở	Quý IV/ 2014
II	Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển bền vững của Ngành	Văn phòng	Các Phòng chuyên môn	Quý IV/ 2014
III	Rà soát, điều chỉnh chính sách, quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chiến lược, quy hoạch phát triển ngành.	Các phòng chuyên môn	Văn phòng, Thanh tra	2014 – 2015
1	Hoàn thành Đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh	Ban QL DAQH DT & QHXD	Phòng Quản lý Quy hoạch – kiến trúc	Năm 2015

2	Lập Định hướng thoát nước đô thị và và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Phòng Hạ tầng kỹ thuật	Phòng Quản lý Quy hoạch – kiến trúc	Quý IV/2015
3	Xây dựng chính sách và các giải pháp để kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng Khu Hòa táng tại thành phố Quy Nhơn	Phòng Hạ tầng kỹ thuật	UBND thành phố Quy Nhơn	Quý IV/2015
4	Xây dựng Đề án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lụt trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ	Phòng Quản lý nhà & TT BDS	UBND các huyện, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn	Quý IV/2014
IV	Lồng ghép quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu PTBV trong thực hiện các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển.	Văn phòng	Các phòng chuyên môn	2014 - 2015
1	Lồng ghép công tác lập và thẩm định các Đồ án quy hoạch xây dựng.	Phòng Quản lý Quy hoạch- kiến trúc	Phòng Hạ tầng kỹ thuật	2014 – 2015
2	Lồng ghép việc sử dụng VLXD không nung thông qua công tác thẩm định thiết kế công trình xây dựng	Phòng Quản lý xây dựng	Các Chủ đầu tư	2014 – 2015
3	Lồng ghép việc thực hiện góp ý kiến cho các Dự án khai thác mỏ là vật liệu xây dựng.	Phòng Quản lý xây dựng	Các Sở, ngành liên quan	2014 – 2015
4	Lồng ghép công tác tham gia góp ý kiến thiết kế cơ sở và thẩm tra thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.	Phòng Hạ tầng kỹ thuật	Các Chủ đầu tư	2014 - 2015
V	Đưa các chỉ tiêu PTBV vào hệ thống kế hoạch của ngành Xây dựng	Văn phòng	Các phòng chuyên môn	2014 - 2015
VI	Xây dựng Chính sách hỗ trợ xây dựng các mô hình đô thị sinh thái và làng sinh thái.	Phòng Hạ tầng kỹ thuật	Phòng Quản lý Quy hoạch- kiến trúc	Quý IV/2015

**PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2015**
(Kèm Kế hoạch hành động theo Quyết định số 155/QĐ-SXD
ngày 28/11/2014 của Giám đốc Sở Xây dựng Bình Định) 

S T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ công bố	Lộ trình	Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập/ tổng hợp.
I	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (5 chỉ tiêu)				
1	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	2 năm	2014	Chủ trì: Cục Thông kê Phối hợp: Sở Xây dựng (P. Hạ tầng kỹ thuật)
2	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được quản lý thu gom, xử lý.	%	năm	2014	Chủ trì: Sở Xây dựng (P. Hạ tầng kỹ thuật) Phối hợp: Sở Tài nguyên- Môi trường, Sở Công thương, Sở Y tế.
3	Tỷ lệ các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	năm	2014	Chủ trì: Sở Xây dựng (P. Hạ tầng kỹ thuật) Phối hợp: Sở Tài nguyên môi trường, Sở Công thương, Ban QL KKT tỉnh.
4	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom và xử lý	%	năm	2014	Chủ trì: Sở Xây dựng (Tổ Công tác NTM) Phối hợp: Sở NN và PTNT, Sở Tài nguyên- Môi trường
5	Tỷ lệ chất thải rắn làng nghề được thu gom, xử lý	%	năm	2015	Chủ trì: Sở Xây dựng (Tổ Công tác NTM) Phối hợp: Sở Công thương, Sở NN và PTNT Sở Tài nguyên- Môi trường,
II	Lĩnh vực xã hội (1 chỉ tiêu)				
1	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới (Tiêu chí số 1 & 9)	%	năm	2015	Chủ trì: Sở NN&PTNT Phối hợp: Sở Xây dựng (Tổ Công tác NTM)

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững tỉnh Bình Định đến năm 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-SXD ngày 28/11/2014
của Giám đốc Sở Xây dựng Bình Định)

I. Mục tiêu

Xây dựng, triển khai Kế hoạch hành động cụ thể của Sở Xây dựng để thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững tỉnh Bình Định đến năm 2015; nhằm xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường hiệu quả, bền vững; giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

II. Chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững liên quan đến ngành Xây dựng (Phụ lục 1 kèm theo)

Giao các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chủ trì và phối hợp thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu sau trong 02 năm 2014-2015:

1. Chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường

- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch (%);
- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom, đã xử lý (%);
- Tỷ lệ các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường (%).

2. Chỉ tiêu đặc thù vùng

- Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom và xử lý (%);
- Tỷ lệ chất thải rắn làng nghề được thu gom, xử lý (%) (*Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng*).

3. Chỉ tiêu về xã hội

- Tiêu chí 1 (có Quy hoạch được duyệt và quản lý quy hoạch), gồm 122 xã;
- Tiêu chí 9 (Tiêu chí nhà ở), gồm 122 xã;
- Tập trung giám sát, đánh giá Tiêu chí 9 của 25 xã được công nhận hoàn thành xã Nông thôn mới đến hết năm 2015 (theo Kế hoạch của tỉnh).

III. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu liên quan (Phụ lục 2 kèm theo)

1. Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường

a. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch:

a.1. Với mục tiêu đến năm 2015: Có 70% dân cư đô thị được cấp nước sạch.

a.2. Nhiệm vụ, giải pháp: Cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước, phân vùng chống thất thoát, lập quy hoạch bảo vệ nguồn và mạng ống truyền tải thành phố Quy Nhơn; xây dựng Nhà máy xử lý các giếng nước sông Hà Thanh; nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước 3 huyện miền Núi (Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão).

b. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom, được xử lý:

b.1. Với mục tiêu đến năm 2015 chất thải rắn được thu gom và xử lý

- Về chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tại thành phố Quy Nhơn đạt 100%; 

- + Các đô thị khác đạt 70%;
- Về CTR y tế không nguy hại: Các Cơ sở y tế phát thải khoảng 5.400kg/ngày (trong đó CTR y tế nguy hại chiếm khoảng 10%) và được quản lý, xử lý 100%.

b.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Đầu tư nâng công suất bãi rác Long Mỹ và Dự án xử lý chất thải bột đá tại thành phố Quy Nhơn; hoàn thành giai đoạn 1 việc bãi chôn lấp chất thải không nguy hại tại các huyện (9 huyện trừ Tuy Phước).

c. Tỷ lệ các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn:

c.1. Với mục tiêu hết năm 2015: Hoàn thành 01 bãi chôn lấp CTR nguy hại cấp vùng tỉnh, phục vụ Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp và Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Riêng chất thải rắn không nguy hại được chôn lấp tại các bãi của các huyện, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn.

c.2. Nhiệm vụ, giải pháp:

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý CTR công nghiệp không nguy hại; nâng cao năng lực tham gia thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp không nguy hại. Đối với các cơ sở sản xuất ngoài Khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp khuyến khích tự tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển hoặc hợp đồng dịch vụ hoặc tái chế sử dụng.

d. Tỷ lệ các khu kinh tế, khu công nghiệp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường:

d.1. Với mục tiêu đến hết năm 2015: Các cơ sở sản xuất sinh ra nước thải đều được đấu nối với Khu xử lý tập trung của Khu Kinh tế, các khu công nghiệp.

d.2. Nhiệm vụ, giải pháp: Tăng cường vận động, kiểm tra các cơ sở sản xuất triệt để chấp hành việc đổ nước thải ra môi trường phải bảo đảm tiêu chuẩn, không gây ô nhiễm hoặc phải đấu nối vào khu xử lý tập trung (hiện nay các Khu Kinh tế, Công nghiệp hầu hết vận hành chưa hết công suất).

2. Chỉ tiêu đặc thù vùng: Chất thải rắn nông thôn, chất thải làng nghề được thu gom:

- Chỉ tiêu đến năm 2015, bao gồm có 25 xã đạt chuẩn xã NTM theo Kế hoạch của tỉnh có bãi trung chuyển hoặc thùng chứa để trung chuyển về các bãi xử lý chất thải rắn.

- Nhiệm vụ giải pháp: Năm 2015 phải hoàn thành việc xác định vị trí bãi trung chuyển hoặc xác định vị trí đặt thùng chứa và bảo đảm được các điều kiện thu gom rải thải từ các hộ dân; thực hiện bảo đảm theo yêu cầu Tiêu chí 17 về Môi trường nông thôn.

3. Chỉ tiêu về xã hội: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT theo các chỉ tiêu về Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Đến năm 2015; bảo đảm 25 xã theo kế hoạch (Kế hoạch của tỉnh) xã đạt chuẩn Nông thôn mới hoàn thành Tiêu chí số 9 (về nhà ở).

- Nhiệm vụ, giải pháp: Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ theo các Chương trình, Chính sách hỗ trợ để xây dựng nhà về nhà ở cho hộ nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số; vận động các nguồn hỗ trợ, tài trợ khác từ xã hội, các nguồn từ các tổ chức phi chính phủ; để bảo đảm nhà ở đạt tiêu chuẩn “3 cứng”, hoàn thành nhanh Tiêu chí số 9 đối với nhà ở nông thôn. 

Ngoài nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực còn thực hiện tốt các giải pháp chung nêu sau:

- Tăng cường phối hợp với các địa phương về công tác tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia quản lý CTR, nâng cao nhận thức về chống ô nhiễm môi trường do chất thải rắn gây ra; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và tăng cường công tác phối hợp, đôn đốc quản lý và bảo vệ nguồn nước.

- Các đơn vị sản xuất, cung cấp dịch vụ chủ động lập kế hoạch, tổ chức đầu tư các hạng mục trọng điểm, phát huy công suất hiện có; kiện toàn các đơn vị, tổ chức cung cấp nước, thu gom, xử lý CTR; từng bước nâng cao lượng và chất nước cung cấp, quản lý rác thải và xử lý sau thu gom.

- Tranh thủ mời gọi tham gia đầu tư, tăng cường xã hội hóa. Tranh thủ các nguồn hỗ trợ từ các vốn vay tín dụng ưu đãi, hỗ trợ khác để thực hiện đầu tư. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi về mặt tài chính; hỗ trợ về chi phí tài nguyên cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực cấp nước sạch, cũng như quản lý và xử lý chất thải rắn.

IV. Tổ chức thực hiện

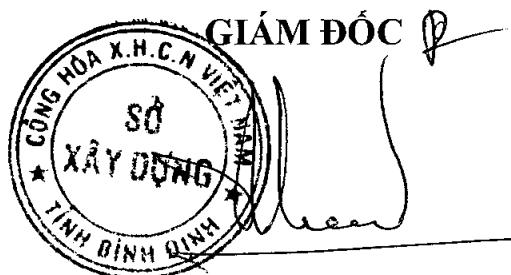
1. Triển khai thực hiện: Căn cứ các nội dung của Kế hoạch hành động của Ngành; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, tích cực phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện kịp thời và hiệu quả những nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra; nhằm bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu góp phần thực hiện thành công Chiến lược Phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh nhà.

2. Giám sát và đánh giá: Định kỳ 06 tháng (trước 20/5), hàng năm (trước ngày 31/10) hoặc khi có yêu cầu đột xuất về báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án, giám sát, đánh giá các chỉ tiêu PTBV; các phòng, ban được giao chủ trì, xây dựng báo cáo gửi về Văn phòng Sở tổng hợp, trình Giám đốc Sở.

3. Kinh phí thực hiện: Căn cứ nhiệm vụ được giao các phòng, đơn vị trực thuộc Sở dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động (nếu có), gửi về Kế toán Sở để tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở trình cơ quan thẩm quyền xem xét theo quy định.

Văn phòng Sở giúp Giám đốc Sở chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; tổ chức đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện; đề xuất, điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thời, đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Quá trình tổ chức thực hiện, cần phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch hành động; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chủ động kiến nghị, đề xuất Giám đốc Sở (qua Văn phòng Sở) xem xét, quyết định./.



Đào Quý Tiêu

